

Số: 07 /2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 03 tháng 5 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải quản lý trong phạm vi cả nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hệ thống thông tin giấy phép lái xe* là một tập hợp và kết hợp của các phần cứng, phần mềm và các hệ mạng truyền thông được xây dựng và sử dụng để thu nhận, quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe. Hệ thống bao gồm hệ thống tại Trung ương và hệ thống tại địa phương.

2. *Hồ sơ điện tử giấy phép lái xe* là tập hợp các tài liệu điện tử liên quan đến đào tạo, sát hạch, cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe được điện tử hóa trong hồ sơ đăng ký để cấp mới hoặc cấp đổi giấy phép lái xe.

3. *Cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe* là tập hợp các thông tin có cấu trúc về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe và những thông tin về vi phạm Luật Giao thông đường bộ được ghi nhận, cập nhật.

4. *Chữ ký số trên giấy phép lái xe* là chữ ký của người có thẩm quyền được cấp chứng thư số theo quy định.

Chương II

QUẢN LÝ HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẤY PHÉP LÁI XE

Điều 4. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe thống nhất trong phạm vi toàn quốc; Vụ Quản lý phương tiện và người lái thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại trung ương.

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng được giao nhiệm vụ quản lý về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe thuộc Sở Giao thông vận tải thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương.

Điều 5. Nhiệm vụ của Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Hướng dẫn quản lý, sử dụng, cập nhật, khai thác và quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe.

2. Kết nối, trao đổi dữ liệu với các hệ thống thông tin liên quan theo quy định.

3. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu đặt tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

4. Đầu tư, xây dựng, nâng cấp các phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe để áp dụng trong phạm vi toàn quốc.

5. Quản lý và hướng dẫn sử dụng công nghệ bảo mật trên giấy phép lái xe.

6. Là đầu mối tổng hợp nhu cầu, trình cơ quan có thẩm quyền cấp chứng thư số cho người có đủ điều kiện ký, cấp giấy phép lái xe theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác liên quan đến quản lý giấy phép lái xe do Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 6. Nhiệm vụ của cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại trung ương

1. Thực hiện chức năng quản trị hệ thống thông tin giấy phép lái xe:
 - a) Quản lý cổng thông tin điện tử;
 - b) Quản lý phân quyền và bảo mật tài khoản sử dụng trong hệ thống;
 - c) Quản lý cấu hình hệ thống;
 - d) Sao lưu và khôi phục dữ liệu;
 - đ) Quản lý nhật ký hệ thống.
2. Cập nhật, xử lý, khai thác, xác thực và đồng bộ dữ liệu giấy phép lái xe.
3. Trục kỹ thuật để đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống thông tin giấy phép lái xe.
4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan sử dụng hệ thống thông tin giấy phép lái xe.
5. Bảo mật, đảm bảo an toàn dữ liệu cho hệ thống thông tin giấy phép lái xe.
6. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe quy định tại Điều 8 của Thông tư này (đối với các đơn vị do Tổng cục đường bộ Việt Nam được giao quản lý).
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu quản lý.

Điều 7. Nhiệm vụ của Sở Giao thông vận tải

1. Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu đặt tại Sở Giao thông vận tải.
2. Tiếp nhận và tổ chức thực hiện hệ thống phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe do Tổng cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.
3. Phối hợp trao đổi thông tin với các cơ quan liên quan tại địa phương theo quy định.

Điều 8. Nhiệm vụ của cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương

1. Cập nhật, xử lý, khai thác, xác thực và đồng bộ dữ liệu giấy phép lái xe.
2. Cập nhật các thông tin về vi phạm Luật Giao thông đường bộ được ghi nhận, chuyển về từ lực lượng tuần tra kiểm soát.
3. Đảm bảo hoạt động liên tục hệ thống thông tin giấy phép lái xe; thực hiện sao lưu và khôi phục dữ liệu.
4. Hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương.
5. Bảo mật, đảm bảo an toàn dữ liệu cho hệ thống thông tin giấy phép lái xe.

6. Cung cấp thông tin về giấy phép lái xe cho trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải (nếu có).

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu quản lý.

Chương III

VẬN HÀNH HỆ THỐNG

THÔNG TIN GIẤY PHÉP LÁI XE

Điều 9. Cơ sở đào tạo lái xe

1. Tiếp nhận hồ sơ giấy và lập hồ sơ điện tử, gửi hoặc truyền dữ liệu về Sở Giao thông vận tải (cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương) hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại trung ương).

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử gửi hoặc truyền dữ liệu đến Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 10. Trung tâm sát hạch lái xe

1. Tiếp nhận dữ liệu về kế hoạch, danh sách sát hạch, tổng hợp và lưu trữ theo quy định dữ liệu về kết quả các kỳ sát hạch.

2. Gửi hoặc truyền dữ liệu kết quả sát hạch về cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương theo quy định.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu kết quả sát hạch.

Điều 11. Cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương

1. Tiếp nhận hồ sơ giấy, lập hồ sơ điện tử đăng ký để cấp mới hoặc cấp đổi giấy phép lái xe.

2. Thực hiện kiểm tra, phê duyệt các hồ sơ điện tử và cập nhật vào hệ thống thông tin giấy phép lái xe.

3. Gửi, nhận hồ sơ điện tử để kiểm tra, so sánh, xác thực và cập nhật vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe do Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý.

4. Xác thực chữ ký số của người có thẩm quyền ký trên các hồ sơ điện tử cấp giấy phép lái xe.

5. Thực hiện quy trình in giấy phép lái xe.

6. Kiểm tra chất lượng giấy phép lái xe sau khi in và đồng bộ dữ liệu vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe do Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý theo quy định.

7. Chuyên đổi, cập nhật toàn bộ dữ liệu giấy phép lái xe không làm bằng vật liệu PET. theo kế hoạch và lộ trình quy định.

8. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử đã gửi hoặc truyền dữ liệu về Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Điều 12. Cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại trung ương

1. Tiếp nhận hồ sơ điện tử từ các cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương để xác thực và đồng bộ vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe do Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý.

2. Xử lý, gửi lại dữ liệu đã xác thực cho cơ quan trực tiếp quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương để thực hiện việc in giấy phép lái xe.

3. Tiếp nhận và quản lý dữ liệu giấy phép lái xe đã được chuyển đổi, cập nhật từ các Sở Giao thông vận tải để đồng bộ vào cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe.

4. Cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về hệ thống thông tin giấy phép lái xe theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của người có thẩm quyền sử dụng chữ ký số trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe

1. Sử dụng chứng thư số để ký số phê duyệt cấp giấy phép lái xe.

2. Bảo quản, bảo mật chứng thư số theo quy định.

Điều 14. Thời gian lưu trữ dữ liệu giấy phép lái xe

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử theo quy định.

1. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo và sát hạch cấp giấy phép lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và trung tâm sát hạch lái xe tối thiểu là 05 năm.

2. Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe tại Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tối thiểu là 50 năm.

3. Thời gian lưu trữ dữ liệu về giấy phép lái xe tại Tổng cục Đường bộ Việt Nam tối thiểu là 100 năm.

Chương IV

KHAI THÁC DỮ LIỆU

TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẤY PHÉP LÁI XE

Điều 15. Nguyên tắc khai thác

1. Việc khai thác dữ liệu giấy phép lái xe thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.

2. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin giấy phép lái xe quy định tại Điều 4 của Thông tư này có trách nhiệm bảo vệ thông tin, dữ liệu cá nhân trong cơ

sở dữ liệu giấy phép lái xe trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.

3. Các dịch vụ khai thác thông tin dữ liệu giấy phép lái xe được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

Điều 16. Các hình thức khai thác cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe

1. Khai thác trực tiếp

Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác dữ liệu giấy phép lái xe trực tiếp từ trang thông tin điện tử giấy phép lái xe (<http://www.gplx.gov.vn>) theo quy định về cấp độ bảo mật và phân quyền sử dụng, khai thác dữ liệu giấy phép lái xe.

2. Khai thác gián tiếp

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác dữ liệu giấy phép lái xe chi tiết, tùy mức độ bảo mật được cung cấp thông tin lấy từ cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe.

a) Các thông tin ghi trên giấy phép lái xe.

b) Trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngoài thông tin in trên giấy phép lái xe còn được cung cấp thêm thông tin về đào tạo, sát hạch, vi phạm pháp luật giao thông đường bộ.

3. Người có nhu cầu khai thác một số thông tin ghi trên giấy phép lái xe được tra cứu qua hệ thống tin nhắn SMS.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Báo cáo về quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải và cơ quan liên quan định kỳ 01 năm/lần trước ngày 15 tháng 01 năm sau về tình hình quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe trong phạm vi toàn quốc.

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Giao thông vận tải (qua Tổng cục Đường bộ Việt Nam) định kỳ 01 năm/lần trước ngày 05 tháng 01 năm sau về tình hình quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thông tin giấy phép lái xe tại địa phương.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2013.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 19;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Website Bộ GTVT;
- Báo GTVT, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB (Hết).

BỘ TRƯỞNG



Đinh La Thăng